

Bản án số: 540/2018/HSPT

Ngày: 26/11/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Ngôn

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Văn Liệt

2. Ông Vũ Hoài Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 484/HSPT
ngày 26/10/2018 đối với bị cáo Trần Thị V do có kháng cáo của bị cáo đối với
bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2018/HSST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân
dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị V; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1979 tại tỉnh Hà Tĩnh; Thường trú:
Thôn 6, xã Q, huyện W, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở: Nhà số DC43, Đường D25, khu
dân cư Việt Sing, phường E, thị xã R, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Buôn
bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt
Nam; Con ông Trần Văn V và bà Lê Thị L; Hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02
con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội
dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị V và anh Đỗ Xuân Hà có mối quan hệ sống chung như vợ
chồng từ khoảng đầu năm 2003.

Khoảng 22 giờ, ngày 22/6/2003, anh Hà giao chiếc xe mô tô hiệu Citi
màu đỏ, biển số 51Z1-2335 của anh Hà cho V điều khiển chở anh về phòng
trọ của V tại số 2/11, Tõ 1, Ấp 7, xã Bình Hưng Hòa, huyện Bình Chánh (nay

là quận Bình Tân) để nghỉ ngơi. Khi tỉnh giấc, V viết bức thư để lại có nội dung là hỏi “mượn chiếc xe của anh Hà đi Tây Ninh 20 ngày”. Khoảng 05 giờ, ngày 23/6/2003, V lấy chiếc xe của anh Hà cùng với 01 cái đồng hồ hiệu Casio, 01 cái ví bên trong có giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe rồi bỏ đi. Đến khoảng 08 giờ, ngày 23/6/2003, anh Hà thức dậy không thấy V đâu, còn số tài sản như đã nêu trên cũng bị mất, anh Hà nhìn thấy bức thư của V để lại và đọc xong mới biết do V lấy. Khoảng 21 giờ, ngày 30/6/2003 anh Hà đến Công an xã Bình Hưng Hòa trình báo và sự việc.

Vào ngày 21/7/2003, anh Hà phát hiện V tại Khu công nghiệp Sóng Thần nên đưa V về Công an xã Bình Hưng Hòa giải quyết. Tại đây, V khai sau khi mượn được xe của anh Hà thì V có sử dụng làm phương tiện đi Tây Ninh với thời gian 20 ngày để mua heo con về bán lại cho người làm heo sữa kiếm lời. Do không mua được nên 04 ngày sau quay về, V không mang xe đến trả cho anh Hà mà lẩn tránh anh Hà và đem xe đến bán cho anh Nguyễn Văn Tuyển với giá 6.800.000 đồng. Anh Tuyển mới chỉ đưa cho V trước 5.800.000 đồng và hẹn khi nào sang tên xe xong mới đưa 1.000.000 đồng còn lại. Có tiền, V đưa cho anh Vũ Đình Ngoan 2.050.000 đồng để hùn tiền thuê mặt bằng bán cà phê nhưng do chưa tìm được chỗ nên anh Ngoan vẫn còn giữ số tiền này và đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra, còn tài sản của anh Hà đã được thu hồi giao trả lại cho anh Hà. Trong lúc Công an xã Bình Hưng Hòa chưa giải quyết xong vụ việc, V xin đi vệ sinh, khi đó có cử người đưa V đi và đứng ngoài canh gác. Lợi dụng cửa thông gió của nhà vệ sinh không có gì che chắn, V đã leo ra ngoài trốn thoát. Thấy quá lâu mà V không ra, anh canh gác xông vào thì không thấy V đâu. Sau đó, sự việc được báo cáo lên cho Cơ quan điều tra – Công an huyện Bình Chánh (nay là Công an quận Bình Tân) biết.

Vào ngày 17/9/2003, Cơ quan điều tra đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy nã đối với V và sau đó tạm đình chỉ điều tra. Đến ngày 09/4/2018 bắt được V và khôi phục điều tra bị can V.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2018/HSST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Thị V 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về vật chứng, án phí, trách nhiệm dân sự, quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2018 bị cáo Trần Thị V có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt hành vi phạm tội, hậu quả tội phạm mà bị cáo thực hiện đã cho rằng:

Bị cáo Trần Thị V đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 (ba) tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị V có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Xét thấy, bị cáo Trần Thị V có hành vi lợi dụng sự tín nhiệm của người khác chiếm đoạt 01 chiếc mô tô hiệu Citi màu đỏ, biển số 51Z1-2335 trị giá 6.800.000 đồng. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 03 (ba) tháng tù, về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Mức hình phạt 03 (ba) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, để có thể xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị V mà giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Thị V 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị V khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân quận Bình Tân, Kiểm sát viên, Tòa án

nhân dân quận Bình Tân, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Trần Thị V có hành vi lợi dụng sự tín nhiệm của người khác để chiếm đoạt tài sản nên đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 140 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 03 (ba) tháng tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2018 bị cáo Trần Thị V có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

Bị cáo Trần Thị V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” có giá trị 6.800.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo V 03 (ba) tháng tù.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại; người bị hại làm đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 con còn nhỏ để áp dụng điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị V xuất trình Biên lai thu tiền số: AC/2011/01748 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 3.750.000 đồng thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định đối với trường hợp bỏ trốn và bị cáo cơ quan tiến hành tố tụng truy nã thì không được hưởng án treo. Vì vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thị V là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thị V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị V** phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Thị V **03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo V đã nộp lại số tiền 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng thu lợi bất chính.

(Biên lai thu tiền số: AC/2011/01748 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND quận Bình Tân; (1)
- THA-DS quận Bình Tân; (1)
- TAND quận Bình Tân; (2)
- Công an quận Bình Tân; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Ngôn